

BÀI ĐÃ LÀM

1. B	2. A	3. C	4. C	5. A	6. A	7. B	8. C	9. B	10. A
11. A	12. B	13. A	14. A	15. B	16. A	17. B	18. B	19. A	20. A
21. C	22. A	23. D	24. B						

A. A woman is talking about her family members. What is their relationship to her? Listen and circle the correct answer. (CD1)

(Taken from basic tactics for listening, Jack C. Richards)



00:41

00:53

A: Một người phụ nữ đang nói về các thành viên trong gia đình của cô ấy. Mỗi quan hệ của họ với cô ấy là gì? Nghe và khoanh tròn câu trả lời đúng?

Transcript:

1. He's my mother's father.
2. She's my sister's daughter.
3. He's my uncle's son.
4. She's my mother's sister.
5. He's my father's son.

Chat



Câu 1. He's my _____.

- A. uncle
- B. grandfather
- C. brother
- D.

Chọn A - B

[222432]

2 Bình luận

Câu hỏi: Ông ấy là _____ của tôi.

A. chú B. ông nội C. anh trai

Thông tin: He's my mother's father. (Ông ấy là cha của mẹ tôi.)

Do đó, B là đáp án hợp lý.



Viết bình luận



Lê Hà Thanh thề cái đề nghe này nó khuyết tật y chang đề toán sai tùm lum

↶ 3 Trả lời



Quach Ha Phuong b

Trả lời

Câu 2. She's my _____.

- A. niece
- B. cousin
- C. aunt
- D.

Đúng! A

[222433]

Bình luận

Câu hỏi: Cô ấy là _____ của tôi.

A. cháu gái B. anh họ C. dì

Thông tin: She's my sister's daughter. (Cô ấy là con gái của chị tôi.)

Do đó, A là đáp án hợp lí.

N Viết bình luận

Câu 3. He's my _____.

A. nephew

B. brother

C. cousin

D.

Chọn A - C

[222434]

6 Bình luận

Câu hỏi: Anh ấy là _____ của tôi.

A. cháu trai B. anh trai C. anh họ

Thông tin: He's my uncle's son. (Anh ấy là con trai của chú tôi.)

Do đó, C là đáp án hợp lí.

N Viết bình luận

Bảo Long nghe ok nhưng lúc đau hoang mang nào là mother sister's

Trả lời

Nhan Mi thật ra em nghe ok lắm mà bị cái ngu dòng họ quan hệ gia đình quá buồn huhu

Trả lời

Bảo Long học tiếng anh mà lại phải đi hỏi bố mẹ dòng họ thế này

Trả lời

Kim Sii cần đi phổ cập lại mối quan hệ dòng họ rồi!!1

Trả lời

Ph Hằng Nga Ultr ngờ là em trai 🙄🙄

1 Trả lời

Ly **Ly Nguyenn** u là tr

Trả lời

Nguyễn Trần Phương Linh Jztr

Trả lời

Câu 4. She's my _____.

A. cousin

B. niece

C. aunt

D.

Chọn A - C

[222435]

3 Bình luận

Câu hỏi: Cô ấy là _____ của tôi.

A. em họ B. cháu gái C. dì

Thông tin: She's my mother's sister. (Cô ấy là chị của mẹ tôi.)

Do đó cô ấy là dì của tôi, C là đáp án hợp lí.

N Viết bình luận



Phan Nga chị của mẹ tôi chứ nhỉ?

Trả lời



Thanh Ngân Dịch là Chị của mẹ tôi mới đúng chứ nề

Trả lời



Trang Quang Ultrr

Trả lời

Câu 5. He's my _____.

A. brother

B. uncle

C. father

D.

Đúng! A

[222436]

2 Bình luận

Câu hỏi: Anh ấy là _____ của tôi.

A. anh B. chú C. bố

Thông tin: He's my father's son. (Anh ấy là con trai của bố tôi.)

Do đó, A là đáp án hợp lí.



N Viêt bình luận



Thư Minh dễ lú quá trời

Trả lời



Bảo Ngọc Nguyễn ultrrrrr

Trả lời

Chat

X

B. People are talking about their families. Listen and circle the correct answer. (CD2)

(Taken from basic tactics for listening, Jack C. Richards)



B. Mọi người đang nói về gia đình của họ. Nghe và khoanh tròn câu trả lời đúng.

Transcript:

1.

A: Do you have any brothers and sisters, Stephanie?

B: No brothers. I wish I did. But I've got three sisters.

A: Really!

B: Yeah. And I'm the youngest.

A: Poor you!

2.

A: Tell me about your family, Donna.

B: Well, I've got one brother-he's older than me.

A: What does he do?

B: He's a student. And I've got two younger sisters.

A: Wow. You have a big family.

3.

A: Do you have any brothers or sisters, Bob?

B: Just one — my sister, Anna.

A: Is she older than you?

B: Yes, she is. She always bosses me around!

4.

A: Tell me about your family, Rosie.

B: Well, I come from quite a big family. I've got two brothers, both of them younger than me.

A: Really. Do you have any sisters?

B: Yeah. I have one older and one younger sister.

A: You're lucky. I wish I came from a big family.

5.

A: Do you come from a big family, Tina?

B: No, I'm an only child. It's just me and my parents.

Câu 6. Stephanie would like to have _____.

A. brothers

B. sisters

C. cousins

D.

Đúng! A

[222437]

 2 Bình luận

Câu hỏi: Stephanie muốn có _____.

A. anh em trai

B. chị em gái

C. anh em họ

Thông tin:

A: Do you have any brothers and sisters, Stephanie?

B: **No brothers. I wish I did.** But I've got three sisters.

A: Really!

B: Yeah. And I'm the youngest.

A: Poor you!

Tạm dịch:

A: Bạn có anh chị em nào không, Stephanie?

B: **Không có anh em trai. Tôi ước tôi có.** Nhưng tôi có ba chị em gái.

A: Thật đấy!


B: Vâng. Và tôi là người trẻ nhất.

A: Tội nghiệp bạn!

Do đó, A là đáp án hợp lí.

Chat

×

 Viết bình luận



Thư Minh thật là dễ mà, dễ bị lừa

Trả lời



Hoàng Trang Anh tuyệt vời, tui sai rồi

 1 Trả lời

Câu 7. Donna's brother is a _____.

A. teacher

B. student

C. professor

D.

Chọn A - B

[222438]

 Bình luận

Câu hỏi: Anh trai của Donna là một _____.

A. giáo viên

B. học sinh/sinh viên

C. giáo sư

Thông tin:

A: Tell me about your family, Donna.

B: Well, I've got one brother-he's older than me.

A: What does he do?

B: **He's a student.** And I've got two younger sisters.

A: Wow. You have a big family.

Tạm dịch:

A: Hãy kể cho tôi nghe về gia đình của bạn, Donna.

B: À, tôi có một người anh trai – anh ấy lớn hơn tôi.

A: Anh ấy làm nghề gì?

B: **Anh ấy là một sinh viên.** Và tôi có hai em gái.

A: Chà. Gia đình bạn thật đông.
Do đó, B là đáp án hợp lí.

N

Viết bình luận

>

Câu 8. Bob's sister _____ bosses him around.

- A. never
- B. sometimes
- C. always
- D.

Chọn A - C

[222439]

Bình luận

Câu hỏi: Chị gái của Bob _____ làm chủ anh ấy.

- A. không bao giờ
- B. đôi khi
- C. luôn luôn

Thông tin:

A: Do you have any brothers or sisters, Bob?

B: Just one — my sister, Anna.

A: Is she older than you?

B: Yes, she is. She **always** bosses me around!

Tạm dịch:

A: Bạn có anh chị em nào không, Bob?

B: Chỉ một — em gái tôi, Anna.

A: Cô ấy lớn tuổi hơn bạn phải không?

B: Vâng, cô ấy. Cô ấy **luôn** làm chủ tôi!

Do đó, C là đáp án hợp lí.

N

Viết bình luận

>

Chat

X

Câu 9. Rosie's friend would like to come from a _____ family

- A. small
- B. big
- C. medium-size
- D.

Chọn A - B

[222440]

Bình luận

Câu hỏi: Bạn của Rosie muốn đến từ một gia đình _____

- A. nhỏ/ít con
- B. lớn/đông
- C. vừa

Thông tin:

A: Tell me about your family, Rosie.

B: Well, I come from quite a big family. I've got two brothers, both of them younger than me.

A: Really. Do you have any sisters?

B: Yeah. I have one older and one younger sister.

A: You're lucky. **I wish I came from a big family.**

Tạm dịch:

A: Hãy kể cho tôi nghe về gia đình của bạn, Rosie.

B: À, tôi đến từ một gia đình khá đông. Tôi có hai anh trai, cả hai đều trẻ hơn tôi.

A: Thật đấy. Có chị em nào không?

B: Vâng. Tôi có một chị và một em gái.

A: Bạn thật may mắn. **Tôi ước mình có một gia đình đông người.**

Do đó, B là đáp án hợp lí.

N

Viết bình luận

>

Câu 10. Tina is _____ child.

- A. an only

B. a lonely

C. one

D.

Đúng! A

[222441]

Bình luận

Câu hỏi: Tina là con/đứa trẻ _____

A. duy nhất B. cô đơn C. một (số đếm)

Thông tin:

A: Do you come from a big family, Tina?

B: No, **I'm an only child.** It's just me and my parents.

Tạm dịch:

A: Bạn có xuất thân từ một gia đình lớn không, Tina?

B: Không, **tôi là con một.** Chỉ có tôi và bố mẹ tôi.

Do đó, A là đáp án hợp lí.

N

Viết bình luận



C. People are talking about their families. Are these statements true or false? (CD3)

(Taken from basic tactics for listening, Jack C. Richards)



Chat



C. Mọi người đang nói về gia đình của họ. Những phát biểu này đúng hay sai?

Transcript:

1. I'm a middle child. I have two sisters, one older and one younger.
2. I'm the oldest in my family. I always wanted a sister, but all I got were brothers - three of them!
3. I have an older brother and three older sisters. I was the baby of the family for a while. But then my younger sister came along.
4. There are all girls in my family – my two younger sisters and me.
5. I have a big family and I'm the youngest. It's tough sometimes when you have two older brothers and four older sisters and they're all angry at you.

Câu 11. Bill has an older sister and a younger sister.

A. True

B. False

C.

D.

Đúng! A

[222442]

Bình luận

Câu hỏi: Bill có một chị gái và một em gái.

A. Đúng B. Sai

Thông tin: I'm a middle child. I have two sisters, **one older and one younger.** (Tôi là con giữa. Tôi có hai chị em, **một chị và một em gái.**)

Do đó, A là đáp án hợp lí.

N

Viết bình luận



Câu 12. Janice has three older brothers and no sisters.

A. True

B. False

C.

D.

Chọn A - B

[222443]

2 Bình luận

Câu hỏi: Janice có ba anh trai và không có chị gái.

A. Đúng B. Sai

Thông tin: I'm the oldest in my family. I always wanted a sister, but all I got were brothers – three of them! (Tôi là người lớn tuổi nhất trong gia đình tôi. Tôi luôn muốn có em gái, nhưng tất cả những gì tôi có là n hem – ba người trong số họ!)

=> Janice là người lớn nhất nên không thể có anh/chị.

Do đó, B là đáp án hợp lí.



Viết bình luận



Trần Đình Tường Vy nghe 3 l ms nghe ra câu này :))

Trả lời



Tài Tổng câu này true mới đúng chứ ạ

1 Trả lời

Câu 13. Henry has one older brother, three older sisters, and one younger sister.

A. True

B. False

C.

D.

Đúng! A

[222444]

Bình luận

Câu hỏi: Henry có một anh trai, ba chị gái và một em gái.

A. Đúng B. Sai

Chat



Thông tin: I have an older brother and three older sisters. I was the baby of the family for a while. But then my younger sister came along. (Tôi có một anh trai và ba chị gái. Tôi là đứa con của gia đình trong một thời gian. Nhưng rồi em gái tôi cũng đi cùng.)

Do đó, A là đáp án hợp lí.



Viết bình luận

Câu 14. Gabriella has two younger sisters and no brothers.

A. True

B. False

C.

D.

Đúng! A

[222445]

Bình luận

Câu hỏi: Gabriella có hai em gái và không có anh trai.

A. Đúng B. Sai

Thông tin: There are all girls in my family – my two younger sisters and me. (Có tất cả đều là con gái trong gia đình tôi – hai em gái của tôi và tôi.)

Do đó, A là đáp án hợp lí.



Viết bình luận

Câu 15. Stan has four older brothers and two younger sisters.

A. True

B. False

C.

D.

Câu hỏi: Stan có bốn anh trai và hai em gái.

A. Đúng B. Sai

Thông tin: I have a big family and I'm the youngest. It's tough sometimes when you have two older brothers and four older sisters and they're all angry at you. (Tôi có một gia đình lớn và **tôi là con út**. Đôi khi, thật khó khăn khi bạn có hai anh trai và bốn chị gái và họ đều giận bạn.)

=> Là con út nên không thể nào có em trai/em gái.

Do đó, B là đáp án hợp lý.

N Viết bình luận



D. Listen to the recording and fill in the blank with a suitable word (CD4).

(Taken from vocabulary for IELTS, Pauline Cullen)

Children who experience a _____ (1) friendship before the birth of a sibling are likely to have a better _____ (2) with that brother or sister that endures throughout their childhood, said Laurie Kramer in a University of Illinois study published in December's Journal of Family Psychology.

When early friendships are successful, young children get the chance to master sophisticated social and _____ (3) skills, even more than they do with a parent. When parents relate to a child, they do a lot of the work, figuring out what the child needs and then (4) _____ those needs, says Kramer. However, this is not usually the case when two children are interacting.

The research showed that the benefits of early friends are long-lasting. Children who had a positive relationship with a best friend before the birth of a _____ (5) ultimately had a good relationship with their sibling that lasted throughout _____ (6), Kramer said. And children who as preschoolers were able to coordinate play with a friend, manage conflicts, and keep an _____ (7) positive in tone were most likely as teenagers to avoid the negative sibling interaction that can sometimes launch children on a path of anti-social behavior, she added. 'From birth, parents can _____ (8) and help develop these social competencies (or skills) by making eye contact with their babies, offering toys and playing with them,' she said.

Chat



D. Nghe đoạn ghi âm và điền từ thích hợp vào chỗ trống

1. rewarding

Thông tin: Children who experience a **rewarding** friendship before the birth of a sibling are likely to have a better relationship with that brother or sister that endures throughout their childhood

Tạm dịch: Những đứa trẻ trải qua một tình bạn **bổ ích** trước khi anh chị em chào đời có thể có mối quan hệ tốt hơn với anh / chị / em.

Do đó, **rewarding** là đáp án hợp lý.

***Note:**

- experience/iks'piəriəns/ (v) trải qua, kinh qua, nếm mùi, chịu đựng
- sibling/'sɪblɪŋ/ (n) anh chị em ruột
- endure /ɪn'dʊr/ (v) kéo dài, tồn tại
- throughout/θru:'aʊt/ (adv) từ đầu đến cuối, khắp, suốt

2. relationship

Thông tin: Children who experience a rewarding friendship before the birth of a sibling are likely to have a better **relationship** with that brother or sister that endures throughout their childhood

Tạm dịch: Những đứa trẻ trải qua một tình bạn bổ ích trước khi anh chị em chào đời có thể có **mối quan hệ** tốt hơn với anh / chị / em.

Do đó, **relationship** là đáp án hợp lý.

***Note:**

- experience/iks'piəriəns/ (v) trải qua, kinh qua, nếm mùi, chịu đựng
- sibling/'sɪblɪŋ/ (n) anh chị em ruột
- endure /ɪn'dʊr/ (v) kéo dài, tồn tại
- throughout/θru:'aʊt/ (adv) từ đầu đến cuối, khắp, suốt

3. emotional

Thông tin: When early friendships are successful, young children get the chance to master sophisticated social and **emotional** skills, even more than they do with a parent.

Tạm dịch: Khi tình bạn ban đầu thành công, trẻ nhỏ có cơ hội thành thạo các kỹ năng xã hội và **tình cảm** tình vi, thậm chí còn nhiều hơn cả khi chúng làm với cha mẹ.

Do đó, **emotional** là đáp án hợp lý.

***Note:**

- master/'mɑ:stə/ (v) làm chủ, cai quản, điều khiển, chỉ huy
- sophisticated/sə'fɪstɪ,keɪtɪd/ (adj) tinh vi, phức tạp, rắc rối; công phu

4. accommodating

Thông tin: When parents relate to a child, they do a lot of the work, figuring out what the child needs and then **accommodating** those needs, says Kramer. However, this is not usually the case when two children are interacting.

Tạm dịch: Khi cha mẹ quan hệ với một đứa trẻ, họ sẽ làm rất nhiều việc, tìm ra những gì đứa trẻ cần và sau đó **đáp ứng** những nhu cầu đó. Tuy nhiên, điều này không thường xảy ra khi hai đứa trẻ đang tương tác với nhau.

Do đó, **accommodating** là đáp án hợp lý.

***Note:**

- relate/rɪ'leɪt/ (v) liên hệ, liên kết
- accommodate/ə'kɒmədeɪt/ (v) điều tiết, làm cho thích nghi, làm cho phù hợp
- interact /,ɪntər'ækt/ (v) tác động với nhau, tương tác

5. sibling

Thông tin: Children who had a positive relationship with a best friend before the birth of a **sibling** ultimately had a good relationship with their sibling that lasted throughout adolescence.

Tạm dịch: Những đứa trẻ có mối quan hệ tích cực với một người bạn thân nhất trước khi có **anh chị em ruột** cuối cùng cũng có mối quan hệ tốt đẹp với anh chị em của chúng kéo dài suốt tuổi vị thành niên.

Do đó, **sibling** là đáp án hợp lý.

***Note:**

- adolescence/ˌæd'l'esəns/ (n) thời thanh niên
- ultimately/'ʌltɪmətli/ (adv) cuối cùng, sau cùng, sau chót

6. adolescence

Thông tin: Children who had a positive relationship with a best friend before the birth of a sibling ultimately had a good relationship with their sibling that lasted throughout **adolescence**.

Tạm dịch: Những đứa trẻ có mối quan hệ tích cực với một người bạn thân nhất trước khi có anh chị em ruột cuối cùng cũng có mối quan hệ tốt đẹp với anh chị em của chúng kéo dài suốt **tuổi vị thành niên**.

Do đó, **adolescence** là đáp án hợp lý.

***Note:**

- adolescence/ˌæd'l'esəns/ (n) thời thanh niên
- ultimately/'ʌltɪmətli/ (adv) cuối cùng, sau cùng, sau chót

7. interaction

Thông tin: And children who as preschoolers were able to coordinate play with a friend, manage conflicts, and keep an **interaction** positive in tone were most likely as teenagers to avoid the negative sibling interaction that can sometimes launch children on a path of anti-social behavior.

Tạm dịch: Và những đứa trẻ ở độ tuổi mẫu giáo đã có thể phối hợp chơi với một người bạn, quản lý xung đột, và giữ cho tương tác tích cực về mặt cảm xúc thì khi là thanh thiếu niên để tránh **tương tác** tiêu cực với anh chị em mà đôi khi có thể đẩy trẻ vào con đường hành vi chống đối xã hội.

Do đó, **interaction** là đáp án hợp lý.

***Note:**

- preschooler /pri:'sku:l/ (n) trẻ ở trường mẫu giáo
- coordinate/kou'ɔ:dneɪt/ (v) điều phối
- conflict /kən'flɪkt/ (n) sự xung đột, sự tranh giành, sự va chạm

8. nurture

Thông tin: From birth, parents can **nurture** and help develop these social competencies (or skills) by making eye contact with their babies, offering toys and playing with them.

Tạm dịch: Ngay từ khi mới sinh, cha mẹ có thể **nuôi dưỡng** và giúp phát triển các năng lực xã hội (hoặc kỹ năng) này bằng cách giao tiếp bằng mắt với con, đưa đồ chơi và chơi với con.

Do đó, **nurture** là đáp án hợp lý.

***Note:**

- nurture/'nʌ:tʃə/ (v) nuôi nấng, nuôi dưỡng
- competency /'kɒ:mpɪtənsi/ (n) năng lực, khả năng
- make eye contact with: giao tiếp bằng mắt với

E. Listen to the recording again and decide whether these statements are True (T) or False. (CD4).

(Taken from vocabulary for IELTS, Pauline Cullen)



E. Nghe lại đoạn ghi âm và quyết định xem những câu này là Đúng (T) hay Sai (F)

DỊCH

Laurie Kramer trong một nghiên cứu của Đại học Illinois được công bố trên Tạp chí Tâm lý Gia đình tháng 12 cho biết, những đứa trẻ trải qua một tình bạn tốt trước khi anh chị em chào đời có thể có mối quan hệ tốt hơn với anh/chị/em. Khi tình bạn ban đầu thành công, trẻ nhỏ có cơ hội thành thạo các kỹ năng xã hội và tình cảm tinh vi, thậm chí còn nhiều hơn cả khi chúng làm với cha mẹ. Kramer nói: Khi cha mẹ có mối quan hệ với một đứa trẻ, họ sẽ làm rất nhiều việc, tìm ra những gì đứa trẻ cần và sau đó đáp ứng những nhu cầu đó. Tuy nhiên, điều này không thường xảy ra khi hai đứa trẻ đang tương tác với nhau. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng những lợi ích hoặc những người bạn sớm có được lâu dài. Những đứa trẻ có mối quan hệ tích cực với một người bạn thân nhất trước khi anh chị em sinh ra thì cuối cùng cũng có một mối quan hệ tốt với anh chị em của chúng kéo dài suốt thời niên thiếu, Kramer nói. Cô thêm. Bà nói: "Ngay từ khi sinh ra, cha mẹ có thể nuôi dưỡng và giúp phát triển những năng lực xã hội (hoặc kỹ năng) này bằng cách giao tiếp bằng mắt với con, đưa đồ chơi và chơi với chúng.

Câu 16. If young children have good friends then they will have a good relationship with their brother or sister.

- A. True
- B. False
- C.
- D.

Đúng! A

[222447]

 Bình luận

Câu hỏi: Nếu trẻ nhỏ có những người bạn tốt thì chúng sẽ có mối quan hệ tốt với anh chị em của chúng.

A. Đúng B. Sai

Thông tin: Children who experience a rewarding friendship before the birth of a sibling are likely to have a better relationship with that brother or sister that endures throughout their childhood, said Laurie Kramer in a University of Illinois study published in December's Journal of Family Psychology.

Tạm dịch: Laurie Kramer trong một nghiên cứu của Đại học Illinois được công bố trên Tạp chí Tâm lý Gia đình số 12 cho biết, những đứa trẻ trải qua một tình bạn tốt trước khi anh chị em chào đời có thể có mối quan hệ tốt hơn với anh / chị / em.

Do đó, A là đáp án hợp lý.

***Note:**

- experience/iks'piəriəns/ (v) trải qua, kinh qua, nếm mùi, chịu đựng
- sibling/'sɪblɪŋ/ (n) anh chị em ruột
- endure /ɪn'dʊr/ (v) kéo dài, tồn tại
- throughout/θru:'aʊt/ (adv) từ đầu đến cuối, khắp, suốt

Chat

×

 Viết bình luận



Câu 17. Parents help their children develop more social and emotional skills than friends do.

- A. True
- B. False
- C.
- D.

Chọn A - B

[222448]

 Bình luận

Câu hỏi: Cha mẹ giúp con cái phát triển các kỹ năng xã hội và tình cảm hơn bạn bè.

A. Đúng B. Sai

Thông tin: When early friendships are successful, young children get the chance to master sophisticated social and emotional skills, even more than they do with a parent.

Tạm dịch: Khi tình bạn ban đầu thành công, trẻ nhỏ có cơ hội thành thạo các kỹ năng xã hội và tình cảm tinh vi, thậm chí còn nhiều hơn cả khi chúng làm với cha mẹ.

Do đó, B là đáp án hợp lý.

 Viết bình luận



Câu 18. Friends will give you what you want more often than your parents do.

- A. True
- B. False
- C.

D.

Chọn A - B

[222449]

Bình luận

Câu hỏi: Bạn bè sẽ cung cấp cho bạn những gì bạn muốn thường xuyên hơn so với những gì cha mẹ bạn làm.

A. Đúng B. Sai

Thông tin: When parents relate to a child, they do a lot of the work, figuring out what the child needs and then accommodating those needs, says Kramer. However, this is not usually the case when two children are interacting.

Tạm dịch: Khi cha mẹ quan hệ với một đứa trẻ, họ sẽ làm rất nhiều việc, tìm ra những gì đứa trẻ cần và sau đó đáp ứng những nhu cầu đó. Tuy nhiên, điều này không thường xảy ra khi hai đứa trẻ đang tương tác với nhau.

Do đó, B là đáp án hợp lý.

***Note:**

- relate/rɪˈleɪt/ (v) liên hệ, liên kết
- accommodate/əˈkɒmədeɪt/ (v) điều tiết, làm cho thích nghi, làm cho phù hợp
- interact /,ɪntərˈækt/ (v) tác động với nhau, tương tác

N Viết bình luận

Câu 19. Teenagers who fight with their brothers or sisters may behave in a way that is socially unacceptable.

A. True

B. False

C.

D.

Đúng! A

[222450]

1 Bình luận

Câu hỏi: Thanh thiếu niên đánh nhau với anh chị em của mình có thể cư xử theo cách xã hội không thể chấp nhận được.

A. Đúng B. Sai

Thông tin: And children who as preschoolers were able to coordinate play with a friend, manage conflicts, and keep an interaction positive in tone were most likely as teenagers to avoid **the negative sibling interaction that can sometimes launch**

Tạm dịch: Và những đứa trẻ ở độ tuổi mẫu giáo đã có thể phối hợp chơi với một người bạn, quản lý xung đột và giữ một tương tác tích cực trong giai đoạn này rất có thể là thanh thiếu niên để tránh **tương tác tiêu cực với anh chị em mà đôi khi có thể đẩy trẻ vào con đường hành vi chống đối xã hội.**

Do đó, A là đáp án hợp lý.

***Note:**

- preschooler /priːˈsku:l/ (n) trẻ ở trường mẫu giáo
- coordinate/kouːˈɔːdneɪt/ (v) điều phối
- conflict /kənˈflɪkt/ (n) sự xung đột, sự tranh giành, sự va chạm

N Viết bình luận

crystal sandy câu này dịch lạ lạ

1 Trả lời

Câu 20. If parents play with their children more then they will learn how to be more sociable.

A. True

B. False

C.

D.

Đúng! A

[222451]

Bình luận

Câu hỏi: Nếu cha mẹ chơi với con nhiều hơn thì con sẽ học cách hòa đồng hơn.

A. Đúng B. Sai

Thông tin: From birth, parents can nurture and help develop these social competencies (or skills) by making eye contact with their babies, offering toys and playing with them.

Tạm dịch: Ngay từ khi mới sinh, cha mẹ có thể nuôi dưỡng và giúp phát triển các năng lực xã hội (hoặc kỹ năng) này bằng cách giao tiếp bằng mắt với con, đưa đồ chơi và chơi với con.

Do đó, A là đáp án hợp lý.

***Note:**

- nurture/ˈnʌ:tʃə/ (v) nuôi nấng, nuôi dưỡng

- competency /'kɑ:mptənsi/ (n) năng lực, khả năng
- make eye contact with: giao tiếp bằng mắt với



Viết bình luận



F. Listen to the recording and decide which of the speakers (A-D) the sentences apply to (questions will not come in order). (CD5)

(Adapted from vocabulary for IELTS, Pauline Cullen)



F. Nghe đoạn ghi âm và quyết định câu áp dụng cho người nói (A-D) nào? (các câu hỏi sẽ không theo thứ tự).

Câu 21. The relationship between my brother and me is very close.

- A. speaker A
- B. speaker B
- C. speaker C
- D. speaker D

Chọn A - C

[222452]

Bình luận

Câu hỏi: Mỗi quan hệ giữa anh trai tôi và tôi rất thân thiết.

- A. Người nói A
- B. Người nói B
- C. Người nói C
- D. Người nói D

Thông tin diễn giả C: We used to fight a lot when we were growing up but there's a really close bond between us now.

Tạm dịch: Chúng tôi (Tôi và anh trai tôi) đã từng đánh nhau rất nhiều khi lớn lên nhưng giờ đây giữa chúng tôi có một tình cảm thực sự khăng khít. Do đó, C là đáp án hợp lý.

***Note:**

- fight/fait/ (v) chiến đấu, đánh
- grow up (phrasal verb) lớn lên
- bond/bond/ (n) mối quan hệ, mối ràng buộc

Chat



Viết bình luận



Câu 22. I have a lot more in common with my friends than with my family.

- A. speaker A
- B. speaker B
- C. speaker C
- D. speaker D

Đúng! A

[222453]

Bình luận

Câu hỏi: Tôi có nhiều điểm chung với bạn bè hơn là với gia đình.

- A. Người nói A
- B. Người nói B
- C. Người nói C
- D. Người nói D

Thông tin diễn giả A: On Saturdays I often get together with my classmates and we see all the latest releases together. I can't remember the last time I saw a film with my parents – we just don't have much in common any more.

Tạm dịch: Vào các ngày thứ Bảy, tôi thường tụ tập với các bạn cùng lớp và chúng tôi cùng nhau xem tất cả các bản phát hành mới nhất. Tôi không thể nhớ lần cuối cùng tôi xem một bộ phim với bố mẹ - chúng tôi không còn nhiều điểm chung nữa.

Do đó, A là đáp án hợp lý.

***Note:**

- release /ri'li:s/ (v) phát hành (cuốn phim, bản tin...); đăng (tin); đưa ra bán (một loại ô tô mới...)
- have sth in common: có điểm gì chung



Viết bình luận



Câu 23. I have established a close connection with an older member of my family.

- A. speaker A
- B. speaker B
- C. speaker C
- D. speaker D

Chọn A - D

[222454]

Bình luận

Câu hỏi: Tôi đã thiết lập một mối liên hệ chặt chẽ với một thành viên lớn tuổi hơn trong gia đình tôi.

- A. Người nói A
- B. Người nói B
- C. Người nói C
- D. Người nói D

Thông tin diễn giả D: Luckily Grandad shares my taste, so we often buy CDs and talk about them together.

Tạm dịch: May mắn thay, ông ngoại chia sẻ sở thích của tôi, vì vậy chúng tôi thường mua đĩa CD và nói về chúng cùng nhau.

Do đó, A là đáp án hợp lý.

***Note:**

- taste/teist/ (n) sự ưa thích; sở thích, thị hiếu



Viết bình luận



Câu 24. The relationship between my parents and me has broken down.

- A. speaker A
- B. speaker B
- C. speaker C
- D. speaker D

Chat



Chọn A - B

[222455]

2 Bình luận

Câu hỏi: Mối quan hệ giữa cha mẹ tôi và tôi đã tan vỡ.

- A. Người nói A
- B. Người nói B
- C. Người nói C
- D. Người nói D

Thông tin diễn giả B: My parents are both teachers so you'd imagine I'd have no trouble at all academically. When I was little it was great because we had a really great relationship. But nowadays all we seem to do is argue and that causes a lot of conflict between us, so I don't really feel I can go to them for help.

Tạm dịch: Bố mẹ tôi đều là giáo viên nên bạn sẽ tưởng tượng rằng tôi sẽ không gặp khó khăn gì về mặt học tập. Khi tôi còn nhỏ, điều đó thật tuyệt vì chúng tôi có một mối quan hệ thực sự tuyệt vời. Nhưng ngày nay tất cả những gì chúng tôi làm là tranh cãi và điều đó gây ra rất nhiều xung đột giữa chúng tôi, vì vậy tôi không thực sự cảm thấy mình có thể tìm đến họ để được giúp đỡ.

Do đó, A là đáp án hợp lý.

***Note:**

- imagine/'ɪmædʒɪn/ (v) tưởng tượng, hình dung

- academically/ ,ækə'demikəli/ (adv) về mặt lý thuyết, thuần về lý thuyết

- argue/'ɑ:rgju:/ (v) tranh cãi, tranh luận



Viết bình luận



Trình Nguyễn câu này lỗi rồi hay sao ấy ạ, giải thích là A nma đáp án đúng là B

Trả lời



Trình Nguyễn đáp án câu này là A đk ạ

↩ 2 Trả lời

G. Listen again, use words and phrases from the recording and the statements above to complete the sentence (CD5)

(Adapted from vocabulary for IELTS, Pauline Cullen)

1. My sister and I have totally different tastes. In fact, we don't have much _____ at all.

2. There is a very close _____ between a mother and a newborn baby.
3. It is important to _____ a good working relationship _____ your work colleagues.
4. A relationship can easily _____ if you don't work at it.
5. I really admire the relationship _____ my mother and my grandmother.
6. There can be a lot of _____ between teenagers and their parents.



G. Nghe lại, sử dụng các từ và cụm từ trong đoạn âm thanh và các phát biểu ở trên để hoàn thành câu

Key:

1. in common

Thông tin diễn giả A: I can't remember the last time I saw a film with my parents – we just don't **have much in common** any more. (Tôi không thể nhớ lần cuối cùng tôi xem một bộ phim với bố mẹ - chúng tôi không còn nhiều điểm chung nữa.)

Ta có:

- have sth in common: có điểm gì chung

Tạm dịch: Tôi và chị gái tôi có sở thích hoàn toàn khác nhau. Trên thực tế, chúng tôi không có nhiều điểm chung.

Do đó, **in common** là đáp án hợp lý.

***Note:**

- totally/toutli/ (adv) hoàn toàn

2. bond/connection

Thông tin diễn giả C: We used to fight alot when we were growing up but there's a really close **bond** between us now. (Chúng tôi đã từng đánh nhau rất nhiều khi lớn lên nhưng giờ đây giữa chúng tôi có một tình cảm thực sự khăng khít.)

Ta có:

- bond/bond/ (n) mối quan hệ, mối ràng buộc

- connection/ke'nekʃən/ (n) sự liên quan, sự liên lạc, mối quan hệ; sự chấp nối

Tạm dịch: Có một mối quan hệ rất chặt chẽ giữa một người mẹ và một đứa trẻ sơ sinh.

Do đó, **bond/connection** là đáp án hợp lý.

3. establish/develop ... with

Thông tin: Statement 3: I have **established** a close connection **with** an older member of my family.

Tạm dịch: Tôi đã thiết lập một kết nối chặt chẽ với một thành viên lớn tuổi hơn trong gia đình tôi.

Do đó establish...with là đáp án hợp lý cho 2 vị trí trống

4. break down

Thông tin lấy từ: Statement 4: The relationship between my parents and me has **broken down**.

Tạm dịch: Một mối quan hệ có thể dễ dàng tan vỡ nếu bạn không nỗ lực với nó.

5. between

Thông tin: Statement 1: The relationship **between** my brother and me is very close.

Ta có:

- have sth in common: có điểm gì chung

Tạm dịch: Tôi thực sự ngưỡng mộ mối quan hệ giữa mẹ tôi và bà tôi

Do đó, **between** là đáp án hợp lý.

***Note:**

- totally/toutli/ (adv) hoàn toàn

6. conflict

Thông tin diễn giả B: But nowadays all we seem to do is argue and that causes a lot of **conflict between** us, so I don't really feel I can go to them for help. (Nhưng ngày nay tất cả những gì chúng tôi làm dường như là tranh cãi và điều đó gây ra rất nhiều xung đột giữa chúng tôi, vì vậy tôi không thực sự cảm thấy mình có thể tìm đến họ để được giúp đỡ.)

Ta có:

- conflict /kɒnflɪkt/ (n) sự xung đột, sự tranh giành, sự va chạm

Tạm dịch: Có thể có rất nhiều xung đột giữa thanh thiếu niên và cha mẹ của họ.

Do đó, **conflict** là đáp án hợp lý.

***Note:**

- teenager /'ti:n,eɪdʒə/ (n) thanh thiếu niên (người ở tuổi 13 đến 19)

Transcript:

Speaker A: On Mondays at school a group of us always talk about whatever movies we saw at the weekend. On Saturdays I often get together with my classmates and we see all the latest releases together. I can't remember the last time I saw a film with my parents - we just don't **have much in common** any more.

Speaker B: My parents are both teachers so you'd imagine I'd have no trouble at all academically. When I was little it was great because we had a really great relationship. But nowadays all we seem to do is argue and that causes a lot of **conflict between** us, so I don't really feel I can go to them for help. My friends aren't much help either as they've all got the same problem. Thank goodness I get on really well with my tutor at university. She's very approachable and, if I'm struggling with an assignment, I find her advice really helps me.

Speaker C: My parents are quite old so I feel as though they're out of touch with the modern world. They don't seem to have any idea of what

things cost. I'm hoping to get a car in the next few months but I'll be taking my older brother along to help. We used to fight a lot when we were growing up but there's a really close **bond** between us now. He's already had a few cars so I'm sure he'll be a great help.

Speaker D: I play the violin and the piano and my grandad is a great cello player. A lot of my friends at school listen to all the popular bands and singers, but my tastes are totally different. I prefer classical music and they just don't understand it at all. Luckily Grandad shares my taste, so we often buy CDs and talk about them together.




DỊCH

Diễn giả A: Vào các ngày thứ Hai ở trường, một nhóm chúng tôi luôn nói về bất kỳ bộ phim nào chúng tôi đã xem vào cuối tuần. Vào các ngày thứ Bảy, tôi thường tụ tập với các bạn cùng lớp và chúng tôi cùng nhau xem tất cả các bản phát hành mới nhất. Tôi không thể nhớ lần cuối cùng tôi xem phim với bố mẹ là khi nào - chúng tôi không còn nhiều điểm chung nữa.

Diễn giả B: Bố mẹ tôi đều là giáo viên nên bạn sẽ tưởng tượng rằng tôi sẽ không gặp khó khăn gì về mặt học tập. Khi tôi còn nhỏ, điều đó thật tuyệt vì chúng tôi có một mối quan hệ thực sự tuyệt vời. Nhưng ngày nay tất cả những gì chúng tôi làm là tranh cãi và điều đó gây ra rất nhiều xung đột giữa chúng tôi, vì vậy tôi không thực sự cảm thấy mình có thể tìm đến họ để được giúp đỡ. Bạn bè của tôi cũng không giúp được gì nhiều vì họ đều gặp phải vấn đề giống nhau. Cảm ơn trời đất, tôi rất hợp với gia sư của mình ở trường đại học. Cô ấy rất dễ gần và, nếu tôi đang gặp khó khăn với một bài tập, tôi thấy lời khuyên của cô ấy thực sự hữu ích cho tôi.

Diễn giả C: Bố mẹ tôi đã khá già nên tôi cảm thấy như thể họ đã mất liên lạc với thế giới hiện đại. Họ dường như không có bất kỳ ý tưởng nào về giá của mọi thứ. Tôi hy vọng sẽ có được một chiếc ô tô trong vài tháng tới nhưng tôi sẽ đưa anh trai của mình đi cùng để giúp đỡ. Chúng tôi đã từng đánh nhau rất nhiều khi lớn lên nhưng giờ đây giữa chúng tôi có một tình cảm thực sự khăng khít. Anh ấy đã có một vài chiếc ô tô nên tôi chắc chắn rằng anh ấy sẽ là người trợ giúp đắc lực.

Diễn giả D: Tôi chơi violin và piano và ông ngoại của tôi là một người chơi cello tuyệt vời. Rất nhiều bạn bè của tôi ở trường nghe tất cả các ban nhạc và ca sĩ nổi tiếng, nhưng sở thích của tôi hoàn toàn khác nhau. Tôi thích nhạc cổ điển hơn và họ chẳng hiểu gì cả. May mắn thay, ông ngoại chia sẻ sở thích của tôi, vì vậy chúng tôi thường mua CD và nói về chúng cùng nhau.

	Huệ Phạm Văn LV 0, SP 100	
	ủa nhờ bây g là giáng sinh thì sao ? loại 2 3 giờ	
	Trâm Nguyễn LV 0, SP 100	
	Xin chào các bạn!	3 giờ
	Thanh Tuyền LV 0, SP 100	
	15/30	3 giờ
Chat		X